

Số: /BC-STP

Lai Châu, ngày 18 tháng 11 năm 2022

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020), Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ) và theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu tại Văn bản số số 2490/SNN-VPĐP ngày 17/11/2022 về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết ban hành quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Trên cơ sở nghiên cứu hồ sơ Sở Nông nghiệp và PTNT gửi thẩm định, đối chiếu nội dung của dự thảo văn bản với các quy định của pháp luật hiện hành, Sở Tư pháp báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết

a) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Qua nghiên cứu một số văn bản quy phạm pháp luật của các bộ, ngành trung ương ban hành, gồm: Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025... Sở Tư pháp nhận thấy các văn bản nêu trên đều có nội dung giao cho

Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, cụ thể là:

- Đối với Thông tư số 46/2022/TT-BTC

Khoản 2, 3, 4 Điều 21 Thông tư số 46/2022/TT-BTC quy định như sau:

“2. Chi hỗ trợ thiết lập, sửa chữa thay thế thiết bị hư hỏng đối với cụm thông tin điện tử đã được thiết lập trước đây bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại cửa khẩu biên giới để đảm bảo yêu cầu của công tác thông tin, tuyên truyền theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông theo dự án của cấp thẩm quyền phê duyệt: Căn cứ khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ.”

3. Chi hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo: Căn cứ yêu cầu thực tế, thời gian phục vụ và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể.”

4. Chi tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông: Căn cứ yêu cầu thực tế, thời gian phục vụ và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung và mức chi hỗ trợ cụ thể”.

- Đối với Thông tư số 53/2022/TT-BTC

+ Khoản 2 Điều 7 có quy định như sau *“Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Mức hỗ trợ cụ thể từ ngân sách trung ương do UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định...”.*

+ Điều 8 quy định *“Chi mua sắm, sửa chữa, thay thế thiết bị hư hỏng của đài truyền thanh xã, phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện...: Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể...”*

+ Điều 9 quy định *“.... Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ.”*

+ Khoản 2 Điều 10 quy định *“Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng cho các cá nhân, tổ chức....: Căn cứ điều kiện thực tế tại địa*

phương và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ... ”.

+ Khoản 3 Điều 11 về chi hỗ trợ các dự án liên kết, kế hoạch liên kết chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp có quy định “.....UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể... ”.

+ Điều 12 về chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại có quy định “.....Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định cụ thể mức hỗ trợ... ”.

+ Khoản 2 Điều 14 về chi bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn có quy định “.....UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định nội dung và mức hỗ trợ cụ thể... ”.

+ Khoản 2 Điều 20 về chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền có quy định “....Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương.....UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể.... ”.

+ Điểm d khoản 2 Điều 26 về chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở có quy định “....UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng hoạt động ... ”.

+ Khoản 1 Điều 39 về chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội nông dân Việt Nam có quy định “....UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ cụ thể.... ”.

- **Đối với Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT:** tại điểm a khoản 2 Điều 9 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT có nội dung giao UBND cấp tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện của địa phương.

Bên cạnh đó, ngày 07/11/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành văn bản số 4179/UBND-KTN để chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các sở Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Lao động Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan tham mưu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung hỗ trợ thuộc 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh, hoàn thiện các thủ tục theo quy định trước khi trình HĐND tỉnh xem xét thông qua.

Do đó, để thực hiện nhiệm vụ được giao nhằm đảm bảo việc tổ chức triển khai các quy định do Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành một cách thống nhất, đồng bộ, tránh chồng chéo trong quá trình thực hiện các

Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 thì việc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, xây dựng dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu để tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành là cần thiết và đúng thẩm quyền, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản

- Khoản 1 Điều 1 của dự thảo Quy định kèm theo nghị quyết là nội dung quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản, theo đó điểm a khoản 1 Điều 1 quy định như sau “*a) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung hỗ trợ thuộc 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*”

Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Quy định kèm theo nghị quyết về phạm vi điều chỉnh của văn bản như đã viện dẫn ở trên là quy định chưa rõ ràng, chưa đầy đủ và chưa cụ thể. Do đó, cơ quan soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 1 của Quy định cho rõ ràng, đầy đủ và cụ thể hơn như sau “*a) Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cụ thể một số nội dung hỗ trợ thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, bao gồm: Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây gọi tắt là 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025)*”

- Khoản 2 Điều 1 của dự thảo Quy định là nội dung quy định về đối tượng áp dụng của văn bản, có nội dung như sau “*Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại khoản 1 Điều này*” là chưa cụ thể. Do đó, cơ quan soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa thành “*Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều này*” cho rõ ràng, đầy đủ, chính xác hơn.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Trong quá trình soạn thảo dự thảo văn bản, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tuân thủ trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức lấy ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; nghiên cứu các ý kiến tham gia của sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện để tiếp thu, chỉnh sửa một số nội dung của dự thảo văn bản.

Về cơ bản, nội dung của dự thảo văn bản do Sở Nông nghiệp và PTNT soạn thảo kèm theo Công văn số 2490/SNN-VPĐP ngày 17/11/2022 để gửi Sở Tư pháp thẩm định không có nội dung trái Hiến pháp. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa một số nội dung cho chính xác, đầy đủ, phù hợp với quy định của cơ quan nhà nước cấp trên trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét để trình HĐND tỉnh thông qua, cụ thể như sau:

a) Đối với nội dung dự thảo Nghị quyết

- Về tên gọi văn bản

Dự thảo Nghị quyết xác định tên gọi như sau “*Ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể **cho các nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu***”. Việc xác định tên gọi văn bản như trên là không chính xác vì nếu theo tên gọi của dự thảo Nghị quyết như đã viện dẫn ở trên thì tất cả các nội dung hỗ trợ thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 gồm (1) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, (2) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, (3) Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc thẩm quyền quyết định mức hỗ trợ cụ thể của HĐND tỉnh đều sẽ phải được quy định tại Nghị quyết này.

Tuy nhiên, để triển khai thực hiện quy định tại khoản 5 Điều 20 Thông tư số 15/2022/TT-BTC “5. Chi hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ. Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và trong phạm vi ngân sách nhà nước được giao, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình HĐND cùng cấp quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ để khuyến khích người dân tham gia học xóa mù chữ” thì Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành soạn thảo, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh Nghị quyết quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ công tác xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025. Đồng thời, trên thực tế dự thảo văn bản do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo cũng không có nội dung nào quy định về mức hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ....

Từ những phân tích nêu trên cho thấy không phải tất cả các nội dung hỗ trợ thuộc 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 do HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể đều được quy định tại Nghị quyết do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo. Do đó, cơ quan soạn thảo cần rà soát để chỉnh sửa lại tên gọi của dự thảo Nghị quyết như sau “*Ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể **một số nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu***” cho chính xác, đảm bảo tính thống nhất, lô gic, phù hợp với nội dung của dự thảo Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết.

- Điều 1

Cơ quan soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa tên Điều 1 của dự thảo Nghị quyết cho đảm bảo tính thống nhất, phù hợp với tên gọi của Nghị quyết sau khi đã được chỉnh sửa như đã phân tích ở trên.

- Điều 3

Điều 3 của dự thảo Nghị quyết quy định về hiệu lực thi hành, tuy nhiên cơ quan soạn thảo cần dự kiến ngày có hiệu lực của văn bản để quy định cụ thể ngay trong văn bản cho phù hợp hơn chứ không phải là “*và có hiệu lực kể từ ngày....tháng....năm 2022*” như Điều 3 của dự thảo Nghị quyết (Ví dụ: nếu dự kiến ngày có hiệu lực thi hành của văn bản là 01/01/2023 thì quy định cụ thể trong dự thảo là có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023) vì theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ thì “*...Cơ quan chủ trì soạn thảo phải dự kiến cụ thể ngày có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở đảm bảo đủ thời gian để các cơ quan tổ chức, cá nhân có điều kiện tiếp cận văn bản, các đối tượng thi hành có điều kiện chuẩn bị thi hành văn bản*”.

b) Đối với nội dung dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết (sau đây gọi tắt là dự thảo Quy định)

- Tên gọi của dự thảo Quy định

Cơ quan soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa tên gọi của dự thảo Quy định cho bảo đảm thống nhất với tên gọi của dự thảo Nghị quyết sau khi đã chỉnh sửa như đã phân tích ở trên.

- Điều 1

Cơ quan soạn thảo cần rà soát, chỉnh sửa nội dung Điều 1 của dự thảo Quy định quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của văn bản như đã phân tích ở điểm b khoản 1 mục I Báo cáo này.

- Điều 2

Điều 2 của dự thảo văn bản có tên là “*hỗ trợ một số nội dung phát triển sản xuất nông nghiệp*”, theo đó Điều 2 được thiết kế thành 02 khoản, bao gồm: (1) khoản 1 quy định về nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ; (2) khoản 2 quy định về mức hỗ trợ.

Việc thiết kế bố cục Điều 2 của dự thảo Quy định như trên là không chính xác, không đảm bảo tính thống nhất, lô gic với nhau vì nội dung các nguyên tắc hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 2 là nguyên tắc chung, bao trùm toàn bộ các nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia chứ không phải chỉ là nguyên tắc hỗ trợ một số nội dung phát triển sản xuất nông nghiệp. Do đó, cơ quan soạn thảo cần tiếp tục nghiên cứu, rà soát để thiết kế lại Điều 2 theo hướng

tách nội dung về nguyên tắc hỗ trợ tại điểm a khoản 1 Điều 2 thành 01 điều riêng độc lập tại Chương I quy định về nguyên tắc hỗ trợ nhằm áp dụng chung cho tất cả các nội dung hỗ trợ tại Chương II cho đảm bảo tính thống nhất, lô gic chứ không phải là thiết kế như Điều 2 của Quy định do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn soạn thảo.

Bên cạnh đó, qua nghiên cứu quy định tại khoản 2 Điều 2 Sở Tư pháp nhận thấy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tham mưu 02 nội dung hỗ trợ, gồm hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ. Theo đó, đối với mỗi nội dung hỗ trợ lại dự kiến hỗ trợ 05 lĩnh vực là (1) trồng trọt và cây dược liệu, (2) chăn nuôi, (3) nuôi trồng thủy sản, (4) lâm nghiệp, (5) công cụ, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp. Tuy nhiên, đối với nội dung này đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để chỉnh sửa lại các mức hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 2 cho đảm bảo phù hợp với các chính sách của tỉnh đã ban hành và đang còn hiệu lực, đặc biệt là các mức hỗ trợ đối với các lĩnh vực có cùng nội dung hỗ trợ để tránh chồng chéo, mâu thuẫn nhau.

Ví dụ: cùng về hỗ trợ công cụ, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp nhưng tại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thì quy định “*mức hỗ trợ 80% kinh phí nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết*”; tại nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ thì quy định “*hỗ trợ tối đa 12 triệu đồng/hộ; hình thức hỗ trợ theo hộ hoặc nhóm hộ; chỉ hỗ trợ cho những hộ chưa được hỗ trợ hoặc đã được hỗ trợ có thời gian từ 5 năm trở lên nhưng đã bị hỏng không sử dụng được*”. Trong khi đó, theo khoản 5 Điều 13, khoản 9 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC và khoản 9 Điều 4 Thông tư số 15/2022/TT-BTC thì việc hỗ trợ công cụ, vật tư, trang thiết bị... thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt sau khi thực hiện theo quy định về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ; còn việc vận chuyển công cụ, vật tư, trang thiết bị ... mức hỗ trợ theo giá thực tế hợp đồng thuê phương tiện hoặc giá phương tiện công cộng hoặc giá dịch vụ bưu chính...

- Điều 8

Điều 8 có tên gọi là “*Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới*”, tuy nhiên khoản 1 Điều 8 của dự thảo Quy định chỉ quy định cụ thể 02 nội dung hỗ trợ theo các điểm a, b khoản 4 Điều 1 Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, gồm: (1) Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới; (2) Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Trong khi đó, theo khoản 2 Điều 20 Thông tư

số 53/2022/TT-BTC thì chỉ thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới gồm nhiều nội dung: (1) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền; (2) Chi hỗ trợ truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn; (3) Chi tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng; (4) Chi hỗ trợ xây dựng và triển khai mô hình thí điểm phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững. Hơn nữa, theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 53/2022/TT-BTC thì chỉ nội dung hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền là có giao HĐND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể, các nội dung chi còn lại đã được Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ và mức chi.

Từ các phân tích nêu trên cho thấy nội dung hỗ trợ tại khoản 1 Điều 8 và tên của Điều 8 không đảm bảo tính thống nhất, lô gic với nhau. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại tên của Điều 8 như sau “*Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền*” cho rõ ràng, cụ thể, chính xác, đảm bảo phù hợp với nội dung hỗ trợ và nhiệm vụ được Bộ Tài chính giao tại điểm a khoản 2 Điều 20 Thông tư số 53/2022/TT-BTC.

- Điều 9

Điều 9 của dự thảo Quy định có tên và nội dung như sau:

“Điều 9. Chi mua sắm các trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho thư viện cấp huyện; tủ sách cho trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, nhà văn hóa khu thể thao thôn; chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn.

Nội dung và mức chi theo quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 26 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính.”

Đối với nội dung này, Sở Tư pháp nhận thấy theo Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC quy định về chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thì sẽ hỗ trợ 03 hoạt động gồm (1) hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa thể thao, (2) hỗ trợ xây dựng tủ sách cho thư viện cấp huyện, tủ sách cho trung tâm văn hóa thể thao cấp xã, nhà văn hóa thôn, (3) hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các thiết chế văn hóa, thể thao xã, bản và kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, bản. Đồng thời, tại điểm d khoản 2 Điều 26 Thông tư số 53/2022/TT-BTC có nội dung giao HĐND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể đối với từng hoạt động này. Theo các quy định nêu trên thì Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần nghiên cứu, xây dựng mức hỗ trợ cụ thể cho từng

hoạt động này để tham mưu UBND trình HĐND tỉnh ban hành chứ không phải là dẫn chiếu đến việc thực hiện quy định tại các điểm a, b, c Điều 26 của Thông tư số 53/2022/TT-BTC. của Bộ Tài chính như Điều 9 của dự thảo văn bản.

Do đó, để đảm bảo tên điều được ngắn gọn, chính xác và thực hiện hết trách nhiệm được Bộ Tài chính giao, cơ quan soạn thảo cần rà soát để chỉnh sửa tên Điều 9; đồng thời chỉnh sửa, bổ sung, thiết kế lại nội dung Điều 9 thành các khoản, trong mỗi khoản là các điểm (nếu có) tương ứng với mỗi nội dung và các mức hỗ trợ cụ thể, theo hướng như sau:

“Điều 9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

1. Hỗ trợ mua sắm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa thể thao:

a) Trung tâm văn hóa cấp tỉnh:

b) Trung tâm văn hóa cấp huyện:

...

2. ”

- Điều 12

Điều 12 quy định về mức hỗ trợ duy trì, vận hành cung cấp dịch vụ thông tin công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó, tại điểm b Điều 12 có quy định “b) Duy trì đảm bảo vận hành các hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin: 02 triệu đồng/tháng/xã”. Tuy nhiên, dự thảo văn bản chưa quy định cụ thể các hoạt động cung cấp dịch vụ thông tin gồm những hoạt động gì? Mức hỗ trợ mỗi hoạt động là bao nhiêu? việc tính toán xác định mức hỗ trợ hàng tháng là 02 triệu đồng/xã là căn cứ vào quy định nào? Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, nghiên cứu để bổ sung cho đầy đủ, rõ ràng.

- Điều 13

Điều 13 của dự thảo Quy định có nội dung về chi thiết kế, sản xuất và lắp biển địa chỉ số đến từng địa chỉ (*hộ gia đình, cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn*) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Tuy nhiên, Sở Tư pháp nhận thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính thì căn cứ nhu cầu gắn biển tại địa phương, yêu cầu về nội dung thông tin, chất liệu Biển địa chỉ số, điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí dự toán kinh phí để thực hiện nhiệm vụ. Như vậy, đối với nội dung này Hội

đồng nhân dân tỉnh không cần quy định mức hỗ trợ cụ thể, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để lược bỏ điều này.

- Điều 14

Điều 14 của dự thảo Quy định có nội dung về chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp. Theo đó, khoản 1 Điều 14 có nội dung như sau:

“1. Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”, (5 tự: tự giác, tự nguyện, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm; 5 cùng: cùng chí hướng về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh; cùng mối quan tâm; cùng có sự chia sẻ; cùng chịu trách nhiệm và cùng thụ hưởng; Trên cơ sở đó hỗ trợ xây dựng các chi, tổ hội nghề nghiệp “3 trong 1”; “4 trong 1” và “5 trong 1”.

- Hỗ trợ pháp lý và tư vấn cho các Chi hội, Tổ hội nông dân nghề nghiệp trong hoạt động, quảng bá, xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm, kết nối cung cầu, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho các sản phẩm nông nghiệp.

- Tổ chức cho các cán bộ, hội viên các Chi, tổ hội đi học tập, nghiên cứu, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm về mô hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tiêu biểu ở trong và ngoài nước.”

Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 39 Thông tư số 53/2022/TT-BTC thì chỉ giao HĐND cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cụ thể...còn nội dung các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội nông dân Việt Nam. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát khoản 1 Điều 14 để chỉnh sửa thành *“1. Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam”* cho chính xác và phù hợp hơn.

Ngoài các ý kiến tham gia cụ thể vào nội dung của từng điều của dự thảo Quy định như trên, qua nghiên cứu Sở Tư pháp nhận thấy theo nhiệm vụ được giao tại các Thông tư số 15/2022/TT-BTC, số 46/2022/TT-BTC, số 53/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định thì HĐND cấp tỉnh được giao quy định cụ thể mức hỗ trợ đối với một số nội dung hỗ trợ thuộc 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Tuy nhiên, tại một số điều thuộc Chương II của dự thảo Quy định lại không quy định mức hỗ trợ cụ thể mà quy định theo hướng xác định mức *“tối đa”* (Ví dụ: khoản 2 Điều 6 quy định *“Mức hỗ trợ: tối đa 50% tổng kinh phí..”*; khoản 1 Điều 10 quy định hỗ trợ mua sắm thiết bị đài truyền thanh xã *“Mức hỗ trợ: tối đa 30 triệu đồng/cum.”*... là những quy định còn chung chung, chưa cụ

thể, không đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ được giao tại văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, rà soát chỉnh sửa, bổ sung dự thảo văn bản theo hướng cần xác định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp với thực tiễn của tỉnh để quy định trong văn bản để đảm bảo thực hiện đúng trách nhiệm đã được cơ quan nhà nước cấp trên giao, đảm bảo tính thống nhất khi triển khai thực hiện.

3. Nguồn lực, điều kiện bảo đảm thi hành Nghị quyết

Đề nghị Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Tài chính bố trí nguồn lực để đảm bảo cho việc thi hành Quyết định. Đồng thời, chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan bố trí nguồn lực phù hợp và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện Nghị quyết sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Bên cạnh việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung của dự thảo Nghị quyết và dự thảo Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết như đã nêu ở trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, thiết kế lại các điều tại Chương II của dự thảo Quy định cho đảm bảo về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).

Ví dụ:

Đối với nội dung Điều 2 của dự thảo Quy định: ngoài việc tách điểm a khoản 1 để chuyển thành một điều độc lập tại Chương I để quy định về nguyên tắc hỗ trợ như đã phân tích ở trên. Đối với các nội dung còn lại tại Điều 2 của dự thảo Quy định thì cơ quan soạn thảo cần nghiên cứu để thiết kế lại bố cục sao cho rõ ràng, cụ thể hơn. Bên cạnh đó, cơ quan soạn thảo cũng cần rà soát lại các điều, khoản, điểm để trình bày bố cục văn bản theo Điều 62 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP, theo đó: trong mỗi điều được chia thành các khoản bằng chữ số Ả Rập theo thứ tự 1, 2, 3...chứ không phải chia ngay thành các điểm như các Điều 11, 12, hoặc dùng dấu (-) như Điều 13...; trong mỗi khoản được chia thành các điểm bằng chữ cái tiếng Việt theo thứ tự a); b); c) chứ không phải là dùng dấu (-) như Điều 3, Điều 14; không sử dụng các ký hiệu khác (ví dụ như dấu (-), (+), (.) để thể hiện các ý trong một điểm như tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết...

II. KẾT LUẬN

Căn cứ hồ sơ dự thảo Nghị quyết do Sở Nông nghiệp và PTNT gửi thẩm định, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đủ điều kiện để trình UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh thông qua sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo đã

tiếp thu, giải trình, làm rõ, chỉnh sửa đầy đủ theo các ý kiến tại Báo cáo thẩm định này.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết để trình Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Quy chế xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình Hội đồng nhân dân tỉnh và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của UBND tỉnh. Đồng thời với việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan soạn thảo gửi Sở Tư pháp một bộ hồ sơ dự thảo văn bản để thực hiện theo dõi theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các nội dung hỗ trợ thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu do Sở Nông nghiệp và PTNT soạn thảo. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo văn bản theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Lai Châu;
- Thường trực HĐND tỉnh; (*báo cáo*)
- UBND tỉnh; (*báo cáo*)
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, XDKT&THPL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Công Thiếp